

*Kỷ niệm 130 năm ngày Đức vua Hàm Nghi bị người Pháp bắt đi đày: (13-01-1889*13-01-2019):*

Vua Hàm Nghi – bậc anh hùng cứu quốc

Vũ Trung Kiên (*)

“Nếu anh bắn súng lục vào quá khứ thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác”. Người anh hùng của dân tộc Dagextan là Abutalip đã nói như vậy. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng dạy rằng: “Dân ta phải biết sử ta/ Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”. Để có một dải giang sơn gấm vóc hôm nay, bao lớp cha ông chúng ta đã: “Trải bao thăng giáng phé hưng/ Dem giòng máu thấm bón từng gốc cây/ Làn không khí giờ đây ta thở/ Đường ta đi nhà ở nơi này/ Tổ tiên từng chịu đắng cay/ Mới mong truyền lại đêm ngày cho ta¹”. Suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, đã có biết bao anh hùng cứu quốc đã xả thân vì đất nước này; họ có thể là những gia nô, gia đồng, có thể là những thiếu niên, cụ già; có thể là người đốn củi và cũng có cả những bậc hoàng đế đã vứt bỏ ngai vàng vì hạnh phúc của muôn dân. 130 năm trước đây vào ngày 13-01-1889 đã có một nhà vua trẻ từ giã quê hương lên đường lưu đày vì yêu nước, thương dân: Đức Hàm Nghi.

(*) Thạc sĩ, Học viện Chính trị khu vực II, Số 99 Man Thiện, quận 9, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 0969529052.
Email: trungkien7482@yahoo.com.vn

¹ Khuyết danh, bài thơ “Tập vẽ bản đồ nước Việt Nam”.



Vua Hàm Nghi khi bị quân Pháp bắt

Lên ngôi trong bối cảnh rối ren của thời cuộc

Nhà Nguyễn có những ông vua bị lên án là bán nước nhưng nhà Nguyễn cũng có nhiều bậc hoàng đế yêu nước đó là: Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Từ trên tột đỉnh vinh quang của ngai vàng, điện ngọc, những đấng minh quân đã từ bỏ ngôi vua để cùng nhân dân của mình đấu tranh giành lại nền độc lập cho Tổ quốc. Người mở đầu cho trào lưu các vị hoàng đế triều Nguyễn nổi lên chống giặc chính là đức Hàm Nghi.

Nhà Nguyễn giành được ngôi vua và Gia Long lên ngôi Hoàng đế từ năm 1802. Trải qua 3 đời vua đầu là Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị đất nước cơ bản thái bình thịnh trị, nhân dân an lạc. Những năm đầu trị vì của vua Tự Đức, đất nước về cơ bản vẫn giữ được những thành quả mà các triều đại trước đã tạo lập, thế nhưng giai đoạn này kéo dài không lâu. Sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta năm 1858, đất nước đã trải qua nhiều phen nghiêng ngả, đỉnh điểm của những

rối ren của triều đình và đất nước là giai đoạn sau khi vua Tự Đức băng hà vào tháng 7 năm 1883. Chỉ trong một thời gian ngắn ngủi từ khi vua Tự Đức băng hà tháng 7 năm 1883 đến khi vua Hàm Nghi lên ngôi đã có 3 ông vua lần lượt bước lên ngai vàng rồi bị phế và bị giết: Dục Đức, Hiệp Hòa và Kiến Phúc. Trong bối cảnh loạn ly khi ấy, Hàm Nghi đã được chọn bước lên ngai vàng ngày 02 tháng 8 năm 1884.

Vua Hàm Nghi có tên húy là Nguyễn Phúc Minh, tự hiệu là Ứng Lịch. Ông là con thứ 5 của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai và bà Phan Thị Nhân. Nhà vua sinh vào ngày 17 tháng 6 năm Tân Mùi, tức 3 tháng 8 năm 1871 tại Huế. Ông là em ruột của vua Kiến Phúc (Ứng Đăng) và Chánh Mông (hay Ứng Kỷ), tức là vua Đồng Khánh sau này. Người Huế trong thời Đồng Khánh làm vua có câu ca dao: “Một nhà sinh đặng ba vua/ Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài”. Ba vị vua trong câu ca dao này chính là 3 anh em ruột của vua: vua còn là vua Đồng Khánh, vua mất là vua Kiến Phúc và vua thua chạy dài chính là đức Hàm Nghi. Thực ra cha ngài chưa bao giờ làm vua, ông là em ruột của vua Tự Đức. Sinh thời vua Tự Đức không có con trai nên đã nhận cả 3 người con của em ruột làm con nuôi của mình. Lịch sử thật trớ trêu khi cả ba người này sau đều lên ngôi vua và có số phận như chính câu ca dao trên.

Khác với 2 người anh ruột của mình là các vua Kiến Phúc trước đó và Đồng Khánh sau này, Ứng lịch là con của vợ lẽ nên từ nhỏ ông không sống trong cung mà sống ở thôn quê dân dã cùng mẹ đẻ của mình. Khi sứ giả đến đón, cậu bé Ứng Lịch đã rất hoảng sợ và không dám nhận áo mũ người ta dâng lên. Nhà văn Phan Trần Chúc trong cuốn “Vua Hàm Nghi” viết: “Năm 1884, Ứng Lịch mới 14 tuổi, là tuổi ham đánh khăng với trẻ hàng xóm hơn là lo chuyện triều đình. Một buổi sáng, sứ giả đến đón vô cung, bắt gặp Ứng Lịch ăn mặc rách rưới đang nô với trẻ ở ngoài đường. Sứ giả đưa áo mũ ra bảo thay, cậu bé run lẩy bẩy mà không dám mặc (...). Cậu bé Ứng Lịch, tức là vua Hàm Nghi – nói cho đúng là bị người ta bắt ép phải lên ngôi²”. Sau khi vua Tự Đức băng Hà, vua Dục Đức kế ngôi và chỉ ở trên ngai vàng 3 ngày rồi bị Tôn Thất Thuyết là phụ chính đại thần phế truất. Lần lượt sau đó là các vua Hiệp Hòa và Kiến Phúc. Đặc biệt, sau khi vua Kiến Phúc đột ngột qua đời trong bối cảnh phái chủ chiến trong triều đình do Tôn Thất Thuyết đứng đầu đang thắng thế. Theo lí khi ấy Nguyễn Phúc Ứng Kỷ (tức vua Đồng Khánh sau này) là anh và cũng là con nuôi vua Tự Đức đáng lí sẽ được đưa lên ngai vàng. Tuy nhiên các quan phái chủ chiến nhận thấy nếu đưa một người đã lớn tuổi - 20 tuổi - lên ngôi vua sẽ dễ bị mất quyền. Trần Trọng Kim trong Việt Nam

² Phan Trần Chúc (1952), *Vua Hàm Nghi*, Nhà sách Chinh Ký 63B Sinh Từ - Hà Nội xuất bản, tr. 56 và 58

sử lược chép: “Vua Kiến Phúc mất, đáng lẽ ra con nuôi thứ hai của vua Dục Tông (Tự Đức – NV) là ông Chánh Mông lên nối ngôi thì phải. Nhưng Tường và Thuyết không muốn lập người lớn tuổi, sợ mình mất quyền, bèn chọn người em ông Chánh Mông là ông Ứng Lịch mới 12 tuổi (thực ra Hàm Nghi đã 13 tuổi, tính cả tuổi ta là 14 - NV), lập lên làm vua, đặt niên hiệu là Hàm Nghi³”. Vua Hàm Nghi đã ngôi lên trong bối cảnh rối ren của thời cuộc ấy.

Khởi lửa kinh thành và ban dụ Cần Vương

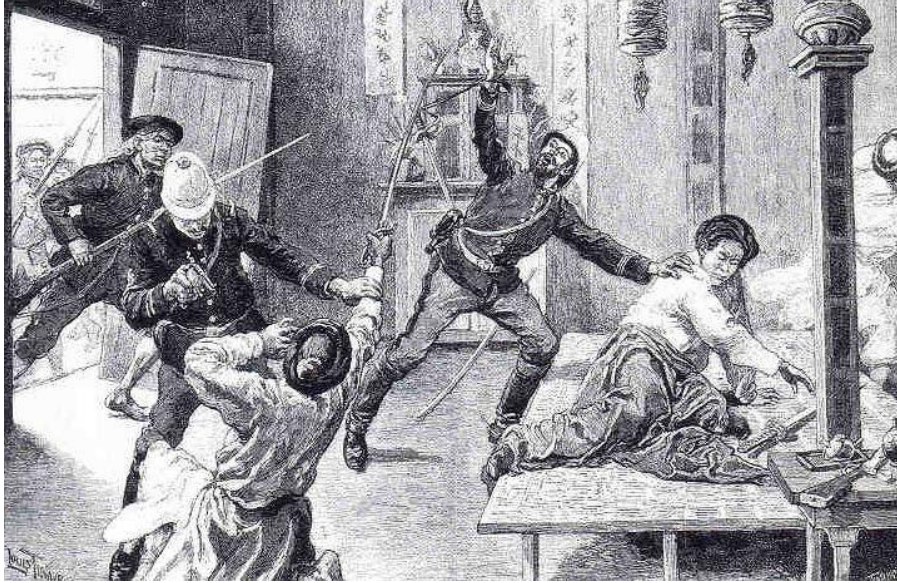
Hàm Nghi lên ngôi do bởi Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết và không báo cho chính phủ bảo hộ biết. Vì vậy, Khâm sứ Rheinart gửi văn bản sang triều đình Huế yêu cầu: “Nam triều có lập ai lên làm vua, thì phải xin phép nước Pháp mới được⁴”. Tuy nhiên, triều đình Huế đã khước từ yêu cầu này của Khâm sứ Rheinart. Để gây áp lực với triều đình, quân Pháp điều quân vào Huế bao vây và bắt triều đình phải xin phép: “Tường và Thuyết làm tờ xin phép bằng chữ nôm gửi sang bên Khâm sứ. Viên Khâm sứ không nghe, bắt phải làm bằng chữ nho⁵”. Cửa Ngọ Môn xưa nay chỉ dùng cho vua đi nhưng lần này Tướng Pháp De Courcy đến Huế và nhất định đòi cùng với 600 tên lính Pháp đi vào cửa Ngọ Môn để yết kiến Vua Hàm Nghi. Trước yêu sách này, triều đình Huế phản đối, yêu cầu chỉ một mình De Courcy mới được đi qua cửa Ngọ Môn còn binh lính phải đi cửa hông. Tuy nhiên, De Courcy hống hách không chịu, nhất quyết đòi phải cho tất cả phái đoàn hộ tống y cũng được đi qua cửa Ngọ Môn. Thái độ hống hách, láo xược này của De Courcy khiến cho cả triều đình phẫn nộ. “Tôn Thất Thuyết thấy De Courcy ra oai như thế lấy làm tức giận. Lại thấy nghị (ông ta – NV) đòi hôm triều yết thì triều đình phải mở cửa chính để cho các quan và quân lính Pháp vào thì cho đó là một điều nhục quốc thể không sao chịu được. Các quan Cơ mật đến toàn Khâm sứ xin vào bàn lại việc quân Pháp đi cửa chính, thì De Courcy lại không thềm tiếp. Từ Dụ Thái hậu sai quan đem lễ vật sang tặng, nghị cũng khước đi. Trước thái độ khinh mạn ấy, Tôn Thất Thuyết bèn quyết định phản công⁶”.

³ Trần Trọng Kim (2006), *Việt Nam sử lược*, Nxb Thanh Hóa, tr. 571

⁴ Trần Trọng Kim (2006), *Việt Nam sử lược*, Nxb Thanh Hóa, tr. 571

⁵ Trần Trọng Kim (2006), *Việt Nam sử lược*, Nxb Thanh Hóa, tr. 571

⁶ Đào Duy Anh (2002), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XX*, Nxb Văn hóa Thông tin, tr. 511-512



Tranh vẽ vua Hàm Nghi bị quân Pháp bắt tại Quảng Bình

Đêm 5 rạng sáng ngày 6 tháng 7 năm 1885 tức là 23 tháng 5 năm Ất Dậu, Tôn Thất Thuyết cho quân lính tấn công quân Pháp ở đồn Mang Cá và tòa Khâm Sứ Huế. Bằng vũ khí tối tân, quân Pháp phản công lại, quân ta thua chạy. Sử gia Trần Trọng Kim trong cuốn “Việt Nam Sử lược” cho biết: “Trận đánh nhau ở Huế, quân Pháp mất 16 người, 80 người bị thương. Sách Tây chép rằng quân ta chết đến vài nghìn người, còn bao nhiêu khí giới, lương thực và hơn một triệu tiền của đều mất cả⁷”. Ngày này ở Huế hàng năm cho đến nay đã trở thành ngày giỗ chung của nhân dân Huế để tưởng niệm những người đã thiệt mạng trong vụ kinh thành thất thủ lần này. Trước tình thế khẩn cấp này, Tôn Thất Thuyết mang Vua Hàm Nghi cùng với Tam Cung xa giá ra Quảng Trị. Đền Quảng Trị, Tôn Thất Thuyết chia làm hai đoàn: tam cung và những người già yếu trở về lại Huế, nhà vua và các tướng lĩnh theo vua lên căn cứ Sơn Phòng Tân Sở thuộc Cam Lộ, Quảng Trị để mưu cuộc kháng chiến lâu dài. Nhà vua lạy tạ các bà thái hậu rồi cùng Tôn Thất Thuyết lên đường. Có lẽ vì buổi chia li đầy nước mắt trong cảnh thê lương này và cũng bởi những nỗi truân chuyên mà nhà vua phải trải qua trong những ngày ở rừng núi nên thái hậu Từ Dụ rất thương ông. Nhà văn Phan Trần Chúc trong cuốn “Vua Hàm Nghi” viết: “Trong hàng các cháu, Từ Dụ Thái hậu thương vua Hàm Nghi hơn hết. Bị thời thế ròn rập, vua đăm đúi trong cuộc phong trần, sự còn mất chỉ cách nhau có từng ly. Ai nói động đến hai tiếng Ứng Lịch hay Hàm Nghi, Thái hậu lại òa lên khóc⁸”.

⁷ Trần Trọng Kim (2006), *Việt Nam sử lược*, Nxb Thanh Hóa, tr. 581

⁸ Phan Trần Chúc (1952), *Vua Hàm Nghi*, Nhà sách Chính Ký 63B Sinh Từ - Hà Nội xuất bản, tr. 108

Tại căn cứ ở Tân Sở, ngày 2 tháng 6 năm Ất Dậu tức là ngày 13 tháng 7 năm 1885, vua Hàm Nghi ban hịch Cần Vương kêu gọi hào kiệt, sĩ phu và nhân dân cả nước từ Bắc chí Nam đứng lên tiêu diệt bọn thực dân xâm lược để giành lại độc lập, tự do cho đất nước: “Vua Hàm Nghi đưa ra một bản hịch thống thiết kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân tham gia cuộc chiến tranh toàn diện (chiếu Cần Vương). Từ Bình Thuận tới Bắc Kỳ, nhà nho và nông dân nổi dậy, tấn công các đồn của Pháp⁹”. Lời kêu gọi của nhà vua trẻ yêu nước đã lay động lòng người, làm thức tỉnh tâm can giới sĩ phu và nhân dân trong cả nước. Một phong trào rộng khắp từ Bắc chí Nam do các sĩ phu lãnh đạo đã nổi lên chống quân thù làm cho kẻ thù nhiều phen kinh hồn, bạt vía. Đối với nhân dân khi ấy, vua Hàm Nghi đã trở thành linh hồn, thành chỗ dựa tinh thần của nhân dân: “Đối với quân sỹ, vua Hàm Nghi không phải là một người, mà là một vị thần, làm cái đích cho sự sùng bái và lòng hi sinh của dân chúng¹⁰”.

Sau này, cho dù vua Hàm Nghi bị bắt và đưa đi đày nhưng “ngọn lửa kháng chiến còn kéo dài được hơn 20 năm nữa¹¹”. Trong khi vua Hàm Nghi xuất biên, thực dân Pháp đã đưa anh ruột vua (cùng cha, khác mẹ) là Ứng Kỷ lên ngôi với niên hiệu Đồng Khánh vào ngày 19 tháng 9 năm 1885. Khiếp sợ trước phong trào kháng Pháp của nhân dân, thực dân Pháp đã đưa vua Đồng Khánh xa giá tận Quảng Bình để dụ vua Hàm Nghi và các cận thần của nhà vua như: Phan Đình Phùng, Trần Xuân Soạn, Nguyễn Phạm Tuân, Lê Trực, Tôn Thất Thiệp (Tiệp), Tôn Thất Đạm (Đàm) v.v. ra đầu thú nhưng vô hiệu.

Cuộc kháng chiến tại trung tâm đầu não kéo dài được 3 năm trong bối cảnh vô cùng khốn khó, lực lượng của nhà vua dần lùi sâu vào vùng núi rừng. Tháng 9 năm 1888, một suất đội hầu cận nhà vua là Nguyễn Đình Tinh ra đầu hàng quân Pháp và khai rõ tình cảnh cũng như là chỗ nhà vua đang đóng quân. Quân Pháp liền sai Nguyễn Đình Tinh về dụ hàng cận vệ của vua là Trương Quang Ngọc để cả hai tên này tìm cách bắt nhà vua cho người Pháp.

Bị bắt và đi đày

Cuộc kháng chiến ngày càng lâm vào khó khăn và Tôn Thất Thuyết phải giao lại cho các con mình bảo vệ nhà vua để ông sang nhà Thanh cầu viện. Tôn Thất Thiệp, con trai Tôn Thất Thuyết được giao bảo vệ nhà vua. Tôn Thất Thiệp thề sẽ sống chết với vua và chặt đầu bất kỳ kẻ nào có ý định đầu hàng quân Pháp. Ngày 26 tháng 9 năm 1888, Trương Quang Ngọc và Nguyễn Đình Tinh cùng mấy chục tên lính kéo lên vây làng Trà Bảo là nơi Vua Hàm Nghi đang đóng quân. Nửa đêm, khi chúng xông vào nhà Tôn Thất Thiệp đang ngủ nên bị đâm chết. Vua Hàm

⁹ Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, Nxb. Thế giới, tr. 483

¹⁰ Phan Trần Chúc (1952), *Vua Hàm Nghi*, Nhà sách Chinh Ký 63B Sinh Từ - Hà Nội xuất bản, tr. 146

¹¹ Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, Nxb. Thế giới, tr. 484

Nghi cầm gươm chỉ vào kẻ làm phản Trương Quang Ngọc và nói: “Mày giết tao đi còn hơn đưa tao về nộp cho Tây!¹²”. Thanh gươm của ngài đã bị một tên phản nghịch giật và nhà vua bị bắt đưa lên võng và sau đó xuống thuyền về Quảng Bình. Một người con khác của Tôn Thất Thuyết có trách nhiệm bảo vệ căn cứ, bảo vệ vua là Tôn Thất Đạm nghe tin nhà vua bị giặc bắt bèn tự vẫn mà chết. Trước khi tự sát, Tôn Thất Đạm hội các tướng sĩ và khuyên mọi người ra đầu thú về làm ăn. Phần mình, Tôn Thất Đạm “viết hai bức thư: một bức để dâng vua Hàm Nghi, xin tha lỗi cho mình làm tôi không cứu được vua, và một bức gửi cho thiếu tá Dabat, đóng ở đồn Thuận Bài xin cho bọn thủ hạ ra thú. Viết thư xong rồi, Tôn Thất Đạm nói rằng “Bây giờ người Pháp có muốn bắt ta thì vào tìm thấy mả ta ở trong rừng”?. Đoạn rồi thắt cổ mà tự tận¹³”, năm ấy ông 22 tuổi. Cha ông - Tôn Thất Thuyết sau này phần chí ở lại Trung Quốc và mất ở nước ngoài. Nhà Huế học Nguyễn Đắc Xuân năm 1999 có dịp sang Pháp và được diện kiến công chúa Như Lý – con gái vua Hàm Nghi năm ấy đã 91 tuổi. Ông cho biết trong buổi gặp này công chúa Như Lý hỏi ông về những người con của cụ Tôn Thất Thuyết: “Ông là nhà sử học ở Huế, ông cho tôi biết những người con của cụ Tôn Thất Thuyết đã bảo vệ vua Hàm Nghi như thế nào ?¹⁴”. Nhà văn Nguyễn Đắc Xuân cho biết ông đã trình bày với bà về sự hi sinh cho đại nghĩa của ông Tôn Thất Thiệp và Tôn Thất Đạm. Trong cuộc hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp của vua Hàm Nghi, cả gia đình Tôn Thất Thuyết đã hi sinh vì đại nghĩa gồm: cha mẹ ông, vợ ông, 2 người em ruột, 4 con trai. Riêng cha vợ - Nguyễn Thiện Thuật sau thất bại chạy sang Trung Quốc và con rể - Nguyễn Thượng Hiền – theo Phan Bội Châu sang Nhật.

Sau khi bị bắt, thực dân Pháp vẫn đối xử với nhà vua theo vương lễ và đã có lúc tính chuyện lập ngài làm vua 4 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị nhưng ngài luôn chối mình không phải là Hàm Nghi. Thực dân Pháp đã có lúc tỏ ý hoài nghi song một lần thầy dạy của vua là Nguyễn Thận vào thăm, nhà vua đứng dậy vái chào thầy nên quân Pháp biết đích xác đây là vua. Nhiều kẻ khuyên nhà vua nên về Huế để hưởng phú quý nhưng vua khước từ và trả lời: “Các người bắt ta nộp cho Tây. Bây giờ dù các người ăn thịt ta, ta cũng phải chịu chứ ta biết làm thế nào được¹⁵”. Người Pháp đưa Vua Hàm Nghi về Huế, họ cũng cho phép để nhà vua gặp những người ruột thịt của mình nhưng ngài từ chối: “Tôi thân đã tù tội, nước đã mất, còn dám nghĩ chi đến cha mẹ, anh chị em nữa?¹⁶”.

¹² Phan Trần Chúc (1952), *Vua Hàm Nghi*, Nhà sách Chinh Ký 63B Sinh Từ - Hà Nội xuất bản, tr. 170

¹³ Trần Trọng Kim (2006), *Việt Nam sử lược*, Nxb Thanh Hóa, tr. 593

¹⁴ <https://lichsunuocvietnam.com/di-correze-phap-tim-dau-tich-vua-ham-nghi/>

¹⁵ Phan Trần Chúc (1952), *Vua Hàm Nghi*, Nhà sách Chinh Ký 63B Sinh Từ - Hà Nội xuất bản, tr. 171

¹⁶ Phan Trần Chúc (1952), *Vua Hàm Nghi*, Nhà sách Chinh Ký 63B Sinh Từ - Hà Nội xuất bản, tr. 180

Chiều ngày 25 tháng 11 năm 1888, người Pháp đưa nhà vua xuống tàu La Comète vào Saigon rồi sau đó ngày 12 tháng 12 năm 1888, đưa lên tàu Biên Hòa đi sang Phi châu và đến Alger ngày 13 tháng 1 năm 1899 bắt đầu cuộc đời lưu đày ở tận “chân mây, cuối trời”. Đến Algérie, nhà vua được đưa về sống tại Alger, thủ đô Algérie. Toàn Quyền Pháp tại Algérie khi ấy vốn là một anh hùng trong trận chiến Pháp – Đức 1870 và là một y sĩ nên đã đối xử với nhà vua rất lịch sự và cởi mở. Lúc đầu nhà vua cương quyết không học tiếng Pháp và văn hóa Pháp nhưng dần dần nhận thấy lợi ích của việc học tiếng Pháp và văn hóa Pháp nên nhà vua đã không chỉ học thông thạo tiếng Pháp mà còn học vẽ trở thành một họa sĩ tài năng, học âm nhạc...và thích nghi với cuộc sống mới ở nơi lưu đày. Cũng ở đây, nhà vua còn kết hôn với một người phụ nữ Pháp là Marcelle Laloe – con gái của một viên quan tòa ở đây. Đám cưới của nhà vua là một sự kiện nổi bật lúc bấy giờ.

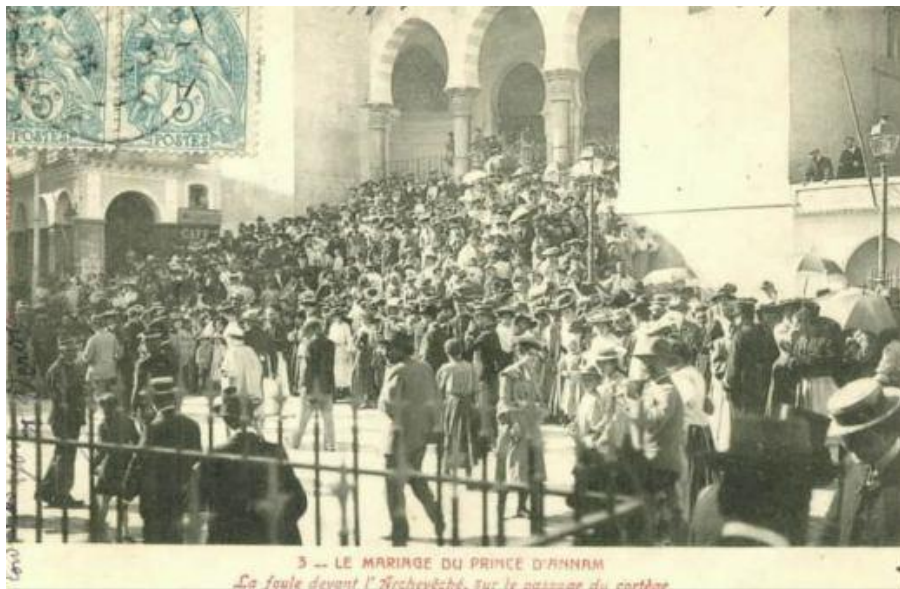
Vua Hàm Nghi và bà Marcelle Laloe sống với nhau hạnh phúc và có 3 người con: Công chúa Như Mai (hiện nay có tài liệu chép là Nhữ Mây, nhưng theo nhà Huế học Nguyễn Đắc Xuân, gọi như vậy không chính xác) sinh năm 1905 (mất năm 1999); Công chúa Như Lý sinh năm 1908 (mất năm 2005) và Hoàng tử Minh Đức sinh năm 1910 (mất năm 1990). Năm 1944, nhà vua từ già cõi đời tại nơi lưu đày ở Alger hưởng thọ 73 tuổi. Bà Laloe sau này trở về sống cùng con gái là Công chúa Như Mai tại lâu đài Losse ở miền Nam nước Pháp - quê hương của bà - và từ trần vào ngày 5 tháng 9 năm 1974, thọ 90 tuổi.

Hơn 70 năm sau khi nhà vua qua đời, vì nhiều lí do khác nhau nên mộ nhà vua vẫn còn ở nước Pháp. Ở Việt Nam, tên nhà vua được lấy để đặt cho nhiều con đường lớn. Trong tâm khảm của mỗi người Việt Nam luôn dành lòng yêu mến, kính trọng và tiếc thương một vị vua anh hùng cứu nước đã vì hạnh phúc của muôn dân mà bản thân phải gánh chịu nhiều đau khổ.



Hình nhà vua mặc quốc phục ở nơi lưu đày (Nguồn ảnh: dantri.com.vn)





Hình đám cưới vua Hàm Nghi



Mộ và bia mộ nhà vua ở nước Pháp

